

QUY ĐỊNH

Chính sách miễn, giảm học phí cho sinh viên đại học chính quy Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh từ năm học 2021 – 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định 856/QĐ-ĐHL ngày 28/10/2021 của Hiệu trưởng Trường đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh)

Quy định về chính sách miễn giảm học phí cho sinh viên đại học hệ chính quy Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2021 - 2022, với những nội dung sau:

1. Đối tượng miễn, giảm học phí được áp dụng cho sinh viên hệ chính quy chương trình đào tạo thứ nhất theo quy định của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP;
2. Trường hỗ trợ toàn bộ phần chênh lệch giữa mức học phí của Trường với mức học phí dùng để tính tiền hỗ trợ miễn, giảm học phí của Nhà nước cho các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí theo quy định của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP;
3. Đối với sinh viên được đào tạo theo chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình đào tạo đặc thù theo đề án thì sinh viên thuộc đối tượng miễn giảm học phí chỉ được hưởng chính sách miễn, giảm học phí bằng mức đóng học phí của sinh viên chương trình đại trà cùng khóa học, sinh viên phải đóng phần chênh lệch học phí theo từng học kỳ.

HIỆU TRƯỞNG

HƯỚNG DẪN

Về việc thực hiện chế độ chính sách dành cho sinh viên đại học (chương trình đào tạo thứ nhất)

I - CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ:

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

1. Đối tượng và hồ sơ miễn, giảm học phí:

Đối tượng	Danh mục hồ sơ	Mức miễn giảm học phí	Quy định
Đối tượng 1.1: Người có công với cách mạng. Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh.	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu Phụ lục V) - Bản sao chứng thực Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công được xác định theo theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng	100%	Nộp hồ sơ một lần cho toàn khóa học

	được hợp nhất tại văn bản số 01/VBHN-VPQH ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Văn phòng Quốc hội.		
Đối tượng 1.2: Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; Con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; Con của anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến.	<p>- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu Phụ lục V)</p> <p>- Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng thân nhân người có công với cách mạng được xác định theo theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng được hợp nhất tại văn bản số 01/VBHN-VPQH ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Văn phòng Quốc hội.</p> <p>- Bản sao chứng thực giấy khai sinh</p>	100%	
Đối tượng 1.3: Sinh viên là con liệt sĩ			
Đối tượng 1.4: Sinh viên là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh			
Đối tượng 1.5: Sinh viên là con của bệnh binh			
Đối tượng 1.6: Sinh viên là con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.			
Đối tượng 2: Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học giáo dục đại học văn bằng thứ nhất mồ côi, không có nguồn nuôi dưỡng thuộc đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại điều 5, Nghị định 20/2021/NĐ-CP	<p>- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu Phụ lục V)</p> <p>- Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p>	100%	Nộp hồ sơ một lần cho toàn khóa học

<p>Đối tượng 3: Sinh viên khuyết tật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu Phụ lục V) - Bản sao chứng thực Giấy xác nhận khuyết tật do UBND cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch UBND cấp huyện 	<p>100%</p>	<p>Nộp hồ sơ một lần cho toàn khóa học</p>
<p>Đối tượng 4: Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu Phụ lục V); - Bản sao chứng thực Giấy khai sinh; - Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do UBND xã cấp. <p><i>Lưu ý: Sinh viên phải nộp bổ sung hồ sơ giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo vào mỗi đầu học kỳ để làm căn cứ xét miễn, giảm học phí cho học kỳ tiếp theo.</i></p>	<p>100%</p>	<p>Nộp hồ sơ một lần vào đầu khóa học và bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo vào đầu mỗi kỳ theo thông báo của nhà trường</p>
<p>Đối tượng 5: Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người (La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cơ Lao, Bô Y, Cống, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, Brâu, Ô Đu), có hộ khẩu thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu Phụ lục V); - Bản sao chứng thực Giấy khai sinh. - Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về cư dân. 	<p>100%</p>	<p>Nộp hồ sơ một lần cho toàn khóa học</p>
<p>Đối tượng 8: Học sinh, sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.</p>	<p>Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (Phụ lục V)</p>	<p>100%</p>	<p>Nộp hồ sơ một lần cho toàn khóa học</p>

<p>Đối tượng 6: Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu Phụ lục V);</p> <p>- Bản sao chứng thực Giấy khai sinh.</p> <p>- Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về cư dân.</p> <p>(Sinh viên tra cứu các văn bản kèm theo trong hướng dẫn)</p>	70%	Nộp hồ sơ một lần cho toàn khóa học
<p>Đối tượng 7: Sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.</p>	<p>- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu Phụ lục V)</p> <p>- Bản sao chứng thực Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp.</p>	50%	Nộp hồ sơ một lần cho toàn khóa học

(*): Quy định cụ thể Đối tượng 2: Sinh viên từ 16-22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp quy định sau đây:

- a) Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;
- b) Mồ côi cả cha và mẹ;
- c) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật;
- d) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- đ) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- e) Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật;
- g) Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- h) Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- i) Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- k) Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

l) Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

(*): Quy định cụ thể Đối tượng 6: Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Lưu ý:

- Sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập phải làm 02 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập. Riêng đối với người học thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì vào đầu mỗi học kỳ phải nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo.

- Việc miễn, giảm học phí cho sinh viên được thực hiện tại trường nơi sinh viên đang học tập. Nhà nước thực hiện cấp bù học phí trực tiếp cho nhà trường để nhà trường thực hiện chế độ miễn, giảm học phí cho SV thuộc đối tượng miễn, giảm học phí.

- Việc cấp bù học phí không quá 10 tháng/năm học/sinh viên và được chi trả tối đa 2 lần trong năm học (5 tháng/học kỳ) căn cứ số lượng người học thực tế thuộc diện được miễn, giảm học phí và mức thu học phí (mức cấp bù học phí cho các trường theo khung học phí của từng nhóm ngành được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP).

- Sinh viên thuộc diện được miễn, giảm học phí nếu đồng thời học ở nhiều cơ sở giáo dục hoặc nhiều khoa, nhiều ngành trong cùng một trường thì chỉ được hưởng một chế độ ưu đãi cao nhất.

- Không áp dụng chế độ ưu đãi về miễn, giảm học phí đối với sinh viên trong trường hợp đã hưởng chế độ này tại một cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc cơ sở giáo dục đại học.

- Thời gian sinh viên bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung thì sẽ không được tính trong dự toán để cấp bù tiền miễn, giảm học phí.

- Chỉ áp dụng chế độ miễn, giảm học phí đối với các môn học lần một theo chương trình học, không áp dụng cho các môn học lại, học cải thiện,... cũng như chỉ áp dụng đối với 2 học kỳ chính, không áp dụng đối với học kỳ hè và học kỳ dự thính (nếu có).

3. Quy trình và thời gian nộp hồ sơ:

Sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí làm Giấy đề nghị MGHP (theo mẫu thống nhất của Trường), kèm theo giấy tờ chứng minh đối tượng được xét miễn, giảm học phí và nộp cho Phòng Công tác sinh viên A103 cơ sở Nguyễn Tất Thành, cụ thể:

- **Thời gian:** Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày đầu mỗi học kỳ, sinh viên thuộc diện được miễn, giảm học phí chỉ phải làm 02 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập.

- **Riêng đối với người học thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì vào đầu mỗi học kỳ phải nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo**

- **Địa điểm nộp: Phòng Công tác sinh viên A103 cơ sở Nguyễn Tất Thành**

Trường sẽ không nhận hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm học phí nếu các giấy tờ kèm theo không hợp lệ và không nộp theo đúng thời gian quy định. Không được giải quyết truy lĩnh

tiền miễn, giảm học phí đối với thời gian đã học từ trước đến thời điểm sinh viên nộp hồ sơ đề nghị kèm theo các giấy tờ quy định cho từng đối tượng miễn, giảm học phí.

Mọi thắc mắc sinh viên liên hệ Phòng Công tác sinh viên A103 cơ sở Nguyễn Tất Thành:

Số điện thoại hỗ trợ: (028) 39400989 - số nội bộ 138

Email: miengiam@hcmulaw.edu.vn; ctctsv@hcmulaw.edu.vn.

Danh mục các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn sinh viên có thể tra cứu theo các văn bản dưới đây:

- *Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 4 tháng 6 năm 2021 về Phê duyệt danh sách xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;*

- *Quyết định 612/QĐ-UBND năm 2021 phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành;*

- *Quyết định 353/QĐ-TTg năm 2022 phê duyệt Danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành;*

- *Quyết định 131/QĐ-TTg năm 2017 phê duyệt Danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020 do Thủ tướng Chính phủ ban hành;*

- *Các quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới về phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số vùng miền núi (nếu có).*

II - HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học và Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

1. Đối tượng áp dụng:

Sinh viên là **người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo** theo quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo từng thời kỳ.

(Lưu ý: Sinh viên Cử tuyển, các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên thông, văn bằng hai và học đại học sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học không được hưởng chính sách này)

2. Mức hỗ trợ

- Mức hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương cơ sở;
- Số tháng được hưởng: không quá 10 tháng/năm học/sinh viên;
- Số năm được hưởng: tính theo thời gian đào tạo chính thức.

3. Hồ sơ

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (theo mẫu nhận tại Phòng CTSV A103).
- Giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo (theo năm) do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp (bản sao có chứng thực).
- Giấy khai sinh (bản sao có chứng thực).

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ:

- Thời gian:

+ **Học kỳ 1:** Từ đầu học kỳ đến ngày 31 tháng 10

+ **Học kỳ 2:** Từ đầu học kỳ đến ngày 31 tháng 03

- **Địa điểm:** Phòng Công tác sinh viên (A103) cơ sở Nguyễn Tất Thành.

Lưu ý: Sinh viên nộp đơn sau thời hạn trên sẽ không được xem xét giải quyết

III - TRỢ CẤP XÃ HỘI

Căn cứ Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT-BGD&ĐT-BTC-BLĐ-TB&XH ngày 25/08/1998, số 13/2002/TTLT-BGD&ĐT-BTC ngày 28/3/2002 và số 18/2009/TTLT-BGD&ĐT-BTC- LĐ-TB&XH ngày 03/08/2009 của liên tịch Bộ Giáo Dục & Đào Tạo - Bộ Tài Chính – Bộ Lao Động – Thương Binh & Xã hội hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 và 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập.

1. Đối tượng và hồ sơ trợ cấp xã hội:

TT	Đối tượng	Hồ sơ	Mức hưởng trợ cấp	Quy định
1	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	- Đơn đề nghị hưởng TCXH - Bản sao công chứng Giấy khai sinh (<i>mang bản gốc để đối chiếu</i>) hoặc giấy đăng ký kết hôn của cha mẹ trong trường hợp Giấy khai gốc bị mất - Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về cư dân.	140.000đ/tháng	Nộp hồ sơ một lần cho toàn khóa học
2	Sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa	- Đơn đề nghị hưởng TCXH - Bản sao công chứng Giấy khai sinh; giấy chứng tử của cha và mẹ hoặc xác nhận của UBND xã (phường) là cha và mẹ đã mất - Xác nhận của cơ quan	100.000đ/tháng	Nộp hồ sơ một lần cho toàn khóa học

		thương binh cấp quận, huyện, thị xã xác nhận sinh viên không có nguồn trợ cấp thường xuyên		
3	Sinh viên là người tàn tật theo quy định của Nhà nước tại Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995	- Đơn đề nghị hưởng TCXH - Biên bản giám định thương tật do Hội đồng y khoa có thẩm quyền - Giấy xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn do UBND cấp xã/phường.	100.000đ/tháng	Nộp hồ sơ một lần cho toàn khóa học
4	Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập (gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo và có điểm học tập kỳ trước liên kế đạt 6.7 (thang điểm 10) hoặc 2.5 (thang điểm 4) trở lên, điểm rèn luyện đạt loại khá trở lên không bị kỷ luật.	- Đơn đề nghị hưởng TCXH - Giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo do UBND cấp xã xác nhận - Bảng điểm học tập học kỳ trước	100.000đ/tháng	Nộp hồ sơ mỗi kỳ một lần theo hướng dẫn của nhà trường

2. Mức hưởng trợ cấp xã hội:

Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hưởng mức trợ cấp 140.000 đồng/người/tháng. Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa; Sinh viên là người tàn tật gặp khó khăn về kinh tế, khả năng lao động suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật; Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập hưởng mức trợ cấp 100.000 đồng/người/tháng.

Trợ cấp xã hội được cấp 12 tháng trong năm học và cấp theo từng học kỳ.

3. Hồ sơ:

Sinh viên phải làm đơn theo mẫu thống nhất do Nhà trường phát hành (đơn nhận tại Phòng Công tác Sinh viên A103), kèm theo đơn đề nghị hưởng trợ cấp xã hội các giấy tờ được sao y chứng thực, cụ thể từng đối tượng:

- Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Giấy khai sinh; Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về cư dân.

- Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ: Giấy khai sinh; Giấy chứng tử của cha và mẹ; Giấy xác nhận của cơ quan thương binh xã hội cấp Quận, huyện, Thị xã trên cơ sở đề nghị của phường, xã nơi sinh viên cư trú.

- Sinh viên là người tàn tật gặp khó khăn về kinh tế, khả năng lao động suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật: Biên bản giám định y khoa; Giấy xác nhận của UBND xã, phường về hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

- Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập là những sinh viên mà gia đình thuộc diện hộ nghèo và có điểm học tập kỳ trước liền kề đạt **6.7** (thang điểm 10) hoặc **2.5** (thang điểm 4) trở lên: Giấy chứng nhận hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận theo mẫu (kèm theo TTLT số 18/2009/TTLT/BGD&ĐT-BTC- BLĐTBXH ngày 03/08/2009); Bản sao Giấy khai sinh hoặc Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về cư dân; Bảng điểm học tập kỳ trước liền kề (mỗi học kỳ phải nộp lại hồ sơ).

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ:

a) Thời gian:

- **Học kỳ 1:** đầu học kỳ đến 31 tháng 10.

- **Học kỳ 2:** đầu học kỳ đến 31 tháng 3.

b) Địa điểm: Phòng Công tác sinh viên A103 cơ sở Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

Lưu ý:

- Sinh viên thuộc nhiều diện hưởng trợ cấp xã hội sẽ chỉ được xét theo một diện có mức hưởng trợ cấp xã hội cao nhất.

- Sinh viên đã có Quyết định hưởng trợ cấp xã hội năm học kề cận trước đó thuộc diện gia đình là hộ nghèo phải nộp lại hồ sơ cho học kỳ kế tiếp.

- Sinh viên đã có Quyết định hưởng trợ cấp xã hội năm học trước nhưng nghỉ học, tạm ngừng tiến độ học tập, bị đình chỉ học tập ... nay nhập học lại phải làm đơn đề nghị hưởng trợ cấp xã hội mới được tiếp tục xét hưởng trợ cấp xã hội.

- Sinh viên nộp hồ sơ sau thời hạn quy định sẽ không được giải quyết.

VI-CHÍNH SÁCH SINH VIÊN KHUYẾT TẬT (SVKT)

4.1 Đối tượng: sinh viên hệ chính quy là người khuyết tật thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo

4.2 Chính sách về học bổng: được hưởng học bổng mỗi tháng bằng 80% mức lương cơ sở theo quy định của chính phủ trong từng học kỳ, cấp 10 tháng/năm học.

4.3 Chính sách về hỗ trợ phương tiện và đồ dùng học tập: được hỗ trợ kinh phí để mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập 1.000.000đ/người/năm học.

4.4 Thủ tục hồ sơ:

- Đơn đề nghị xét học bổng và hỗ trợ phương tiện đồ dùng học tập (Theo mẫu nhận tại Phòng CTSV A103).

- Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước (bản sao có công chứng)

- Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp (bản sao có công chứng).

4.5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ:

a) Thời gian:

- **Học kỳ 1:** đầu học kỳ đến 31 tháng 10.

- **Học kỳ 2:** đầu học kỳ đến 31 tháng 3.

b) Địa điểm: Phòng Công tác sinh viên A103 cơ sở Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

Khi cần hỏi thêm thông tin về chế độ chính sách, sinh viên vui lòng liên hệ gặp Chuyên viên Lý Sinh Đại: điện thoại (028) 39400989 - số nội bộ 138, email miengiam@hcmulaw.edu.vn để được hướng dẫn.